TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-PT
Ngày: 09-5-2018
V/v "Tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thái Lan và ông Mai Tấn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên – Thư ký Tòa án, nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Đào Văn N – sinh năm 1952, bà Huỳnh Thị H – sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Ông N ủy quyền cho bà H theo Giấy ủy quyền lập ngày 31/4/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tâm H – Luật sư văn phòng luật sư Huy H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị M, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Ngọc C – Luật sư văn phòng luật sư Ngọc C, thuộc đoàn luật sư Phú Yên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Văn T, sinh năm: 1967

Anh Lê Xuân H, sinh năm: 1966

Chị Lê Thị D1, sinh năm: 1971

Chị Lê Thị D2, sinh năm: 1970;

Anh Lê Văn B, sinh năm: 1974

Anh Lê Văn P – Sinh năm: 1976

Đồng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Anh Lê Văn Đ, sinh năm: 1975; địa chỉ: Khu phố E, phường T, Tp. P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của anh T, anh H, chị D1, chị D2, anh B, anh Đ: Anh Lê Văn P theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2017.

- *Người làm chứng:* Ông Đào Linh S - sinh năm: 1932;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt, riêng người làm chứng xin vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H trình bày:

Ngày 26/10/2002 vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H (vợ chồng Ông N bà H) có nhận chuyển nhượng từ bà Phan Thị M (bà M) thửa đất ruộng số 145 diện tích 949m^2 với số vàng 04 chỉ vàng y 99. Hai bên thỏa thuận khi nào Nhà nước thu hồi thì trả lại nếu không thu hồi thì tiếp tục canh tác. Năm 2014, khi thực hiện dự án Nhà máy lọc hóa dầu V, Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện Đ đã có Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất ruộng nói trên và đền bù số tiền đất 35.113.000đ, hỗ trợ đất lúa do dừng sản xuất 2.606.713đ thì xảy ra tranh chấp với gia đình bà M. Nay vợ chồng Ông N, bà H yêu cầu Tòa xem xét công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145 diện tích 949m^2 cho vợ chồng Ông N, bà H để vợ chồng Ông N, bà H được nhận toàn bộ số tiền hỗ trợ do dừng sản xuất đến nay, tiền đền bù đất và các khoản hỗ trợ khác khi thu hồi đất Nông nghiệp theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị M trình bày:

Năm 1995 gia đình bà M (vợ ông Lê B) được Nhà nước cấp ruộng theo Nghị định 64 của Chính phủ. Năm 2002, ông Lê B, bà M có chuyển nhượng cho vợ chồng Ông N bà H một thửa đất ruộng số 145 diện tích 949m^2 (có chữ ký của anh P và chị D1). Vợ chồng Ông N bà H canh tác sản xuất đến năm 2014 thì Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án lọc hóa dầu V. Vợ chồng Ông N, bà H tranh chấp số tiền đền bù, hỗ trợ với gia đình bà M. Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Ông N bà H gia đình bà M không chấp nhận, yêu cầu Tòa xem xét cho gia đình bà được nhận toàn bộ số tiền đền bù, hỗ trợ. Vì diện tích đất ruộng này, Nhà nước cấp cho gia đình bà M theo Nghị định 64/CP. Đối với số tiền hỗ

trợ do dừng sản xuất 2.606.713đ, gia đình bà M đồng ý để cho vợ chồng Ông N, bà H được nhận không ý kiến gì.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, do anh Lê Văn P đại diện theo ủy quyền trình bày: Anh T, anh H, chị D1, chị D2, anh B, anh Đ, anh P yêu cầu Tòa xem xét buộc vợ chồng Ông N, bà M trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145 diện tích 949m^2 cho gia đình, để gia đình bà M được nhận các khoản đền bù hỗ trợ theo quy định. Vì khi chuyển nhượng không có sự đồng ý của tất cả các thành viên trong hộ gia đình. Ngoài ra không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Theo các bản tự khai người làm chứng xác nhận có việc chuyển nhượng đất ruộng giữa vợ chồng Ông N, bà H với bà M từ năm 2002.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Áp dụng Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 117, 122, 129, 131 và Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xác lập giữa vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H với bà Phan Thị M vào ngày 26/10/2002 là vô hiệu toàn bộ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H. Vợ chồng Ông N, bà H được quyền liên hệ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ để nhận số tiền 2.606.713đ (*Hai triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng*) về khoản hỗ trợ do dừng sản xuất. Bác yêu cầu của vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145, tờ bản đồ 06, diện tích 949m^2 để được nhận các khoản đền bù hỗ trợ khác khi thu hồi đất.

- Công nhận hộ gia đình bà Phan Thị M được nhận số tiền 35.113.000đ (*Ba mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn đồng*) tương ứng với giá trị thửa đất số 145, tờ bản đồ 06, diện tích 949m^2 loại đất lúa, thuộc đất xâm canh xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

- Buộc bà Phan Thị M phải trả lại cho vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H 04 (*Bốn*) chỉ vàng y 99 và 10.600.500đ (*Mười triệu sáu trăm nghìn năm trăm đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2017, nguyên đơn vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H kháng cáo không đồng ý với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng đơn khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn là yêu cầu Tòa án công nhận cho họ được quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không đúng. Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị M và ông Đào Văn N lập ngày 26/10/2002 có chữ ký của các con bà M là Lê Văn P, Lê Thị D1 và người làm chứng Đào Linh S, tuy các thành viên khác trong gia đình không ký, nhưng họ đều biết và không phản đối, mãi đến khi Nhà nước thu hồi thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V, có khoản tiền bồi thường, hỗ trợ dẫn đến việc tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, công nhận cho nguyên đơn ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H được quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

Bị đơn bà Phan Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn P không thừa nhận có việc bán ruộng cho ông Đào Văn N và không thừa nhận chữ ký Phan Thị M, Lê Văn P tại Giấy bán ruộng, đề nghị cho giám định chữ ký. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng đất cấp cho hộ gia đình nhưng một mình bà Phan Thị M chuyển nhượng cho vợ chồng Ông N chưa có sự đồng ý của các thành viên trong hộ là xâm phạm đến quyền lợi của các thành viên khác trong hộ. Án sơ thẩm tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và HĐXX tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; Về nội dung: Đương sự tranh chấp yêu cầu Tòa án công nhận họ được quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không đúng. Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị M và ông Đào Văn N lập ngày 26/10/2002 có chữ ký của các con bà M là Lê Văn P, Lê Thị D1 và người làm chứng Đào Linh S, tuy các thành viên khác trong gia đình không ký, nhưng họ không phản đối là họ đã đồng tình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị M và ông Đào Văn N lập ngày 26/10/2002 có hiệu lực. Nguyên đơn vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H được quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất, nhưng cấp sơ

thẩm xác tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không đúng, cần xác định lại là "Tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất" đối với thửa đất số 105, thuộc tờ bản đồ 117-D, thửa trích đo số 145 với diện tích 949m^2 theo các quyết định thu hồi đất số 142/QĐ-UBND, ngày 11/01/2017 của UBND huyện Đ.

[2] Về nội dung: Do xác định không đúng quan hệ tranh chấp dẫn đến việc giải quyết không hết yêu cầu của đương sự. Cấp sơ thẩm mới giải quyết khoản tiền bồi thường và tiền hỗ trợ do dừng sản xuất 03 vụ, chưa giải quyết các khoản tiền hỗ trợ khác: Tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện Đ và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét việc bồi thường, hỗ trợ cho ai và mức hỗ trợ là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

Về án phí: Hoàn lại cho nguyên đơn vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Hoàn lại cho vợ chồng ông Đào Văn N, bà Huỳnh Thị H 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0003910 ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Yêu cầu của đương sự, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí định giá tài sản sẽ được xem xét khi xét xử lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (02);
- TAND huyện Đ(02);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- P. GĐKT (01);
- P. TCCB (01);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quang